TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI** Bản án số: 253/2019/HS-ST Ngày 12-6-2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn;

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Điểu Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 228/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 237/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019 đối với:

- *Bị cáo:* Trần Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc G và bà Nguyễn Thanh S (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị N, có 02 con sinh năm 2010 và 2017;

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 03 tháng 12 năm 2018 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: ấp H, xã Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Bích Ng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 20/11/2018, Trần Nguyễn Ngọc L điều khiển xe mô tô hiệu Dream, biển số 63F9 – 5315 đi từ nhà thuộc phường L Bình Tân, thành phố Biên Hòa đến khu vực phường Tam Hiệp. Khi đi đến đoạn đường hẻm thuộc khu phố 8, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, L phát hiện chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1999, đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 91, ấp Hương Phước, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa đang ngồi trên xe mô tô, trên tay có cầm chiếc điện thoại Iphone 6S Plus, 64GB màu trắng, thấy vậy L nảy sinh ý định cướp giật tài sản. L điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, sau đó áp sát xe mô tô chị Th đang ngồi và dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên của chị Th rồi tăng ga bỏ chạy. Sau khi chiếm được tài sản của chị Th, L đi đến khu vực phường Tân Hiệp, bán chiếc điện thoại với giá 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ), số tiền trên, L tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 02/12/2018 để tránh bị phát hiện L đã tháo biển số xe 63F9 – 5315 ra và gắn biển số 51H5 – 9745 vào chiếc xe Dream để sử dụng, khi đi đến khu vực phường Tam Hiệp thì L bị tổ tuần tra Công an phường Tam Hiệp kiểm tra và mời về làm việc, tại Cơ quan Công an L đã khai nhận hành vi cướp giật chiếc điện thoại của chị Th vào ngày 20/11/2018 như đã nêu trên, nên Công an phường Tam Hiệp lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe Honda dream màu xám, biển số 63F9 – 5315, số máy NDE-1197673, số khung: không rõ. Quá trình điều tra, L khai mua được từ một đối tượng không rõ (họ tên, địa chỉ), xe không có giấy đăng ký xe. Kết quả xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai, xác định biển số 63F9 – 5315 do anh Bùi Thanh Ph, địa chỉ ấp M, xã T, huyện G, tỉnh TG đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên kết quả tra cứu số máy và số khung không trùng với số máy xe mô tô Cơ quan điều tra đã thu giữ của L. Hiện cơ quan điều tra chưa làm việc

được đối với anh Ph; đối với số máy NDE – 1197673, kết quả tra cứu không có dữ liệu.

- 01 (một) biển số xe mô tô 51H5 – 9745, kết quả xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai, xác định không có dữ liệu đối với biển số nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 524/TCKH-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6S Plus 64GB, màu trắng, có giá trị định giá là: 6.000.000đồng (sáu triệu đồng).

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Hiện L chưa bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 241/CT-VKSBH ngày 13/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Trần Nguyễn Ngọc L về tội: "Cướp giật tài sản", theo Khoản 1 và điểm d, Khoản 2, Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Khoản 1, điểm d, Khoản 2, Điều 171 và Điểm s Khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L từ 03 (ba) năm đến 04(bốn) năm tù.

+ Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 6.000.000đồng.

+ Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

3. Ý kiến của ngững người tham gia tố tụng:

- *Người bị hại trình bày trong hồ sơ:* Yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản là 6.000.000đồng; đối với trách nhiệm hình sự của bị cáo thì đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

- *Lời nói sau cùng*: Bị cáo ăn năn, biết hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại Nguyễn Thị Thanh Th có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của chị Th đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Người làm chứng đã được triệu tập nhưng vắng mặt. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 20/11/2018, tại đoạn đường hẻm thuộc khu phố 8, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, Trần Nguyễn Ngọc L đã có hành vi sử dụng xe mô tô, biển số 63F9 – 5315 cướp giật 01 (một) chiếc điện thoại hiệu Iphone 6S Plus, 64GB, màu trắng trị giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Thanh Th thì L bị phát hiện xử lý theo quy định của pháp luật.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L phạm tội "Cướp giật tài sản" quy định tại Khoản 1 và điểm d, Khoản 2, Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 241/CT-VKSBH ngày 13/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L về tội " Cướp giật tài sản" theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài

sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe môtô để làm phương tiện cướp giật tài sản có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại; bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) biển số xe mô tô 63F9 – 5315 do anh Bùi Thanh Ph, địa chỉ ấp M, xã T, huyện G, tỉnh TG đứng tên chủ sở hữu; Hiện cơ quan điều tra chưa làm việc được đối với anh Ph nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Đối với 01 (một) xe Honda dream màu xám, số máy NDE-1197673, số khung không rõ, là phương tiện L sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) biển số xe mô tô 51H5 – 9745 không rõ nguồn gốc cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Người bị hại Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại 6.000.000đồng là có cơ sở nên buộc bị cáo L phải bồi thường số tiền trên cho chị Th.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Căn cứ Khoản 1 và điểm d, Khoản 2, Điều 171; điểm s, Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 12 năm 2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1, Điều 46, điểm a, Khoản 1, Điều 47, Khoản 1 Điều Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe Honda dream màu xám, số máy NDE-1197673, số khung không rõ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe mô tô 51H5 – 9745.

Các vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 06 năm 2019.

3. Về bồi thường thiệt hại dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 6.000.000đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được nêu tại phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Huệ